

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/04/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD5+BK5	7:25	17+5	0+0		16+6	0+0	
2		VSP02+TD5+P4	7:25	9+8+5	0+0+0		6+6+10	0+0+0	
3		P2+P1+P4	7:25	13+9+0	0+0+0		8+10+4	0+0+0	
4		TD2+BK10+BK14	7:25	20+0+1	0+0+0		17+4+1	0+0+0	
5		RP1+RP2+P2	9:25	8+1+12	0+0+0		0+0+22	0+0+0	
6		JS2	9:25	22	0		22	0	
7		P3+TD3-BK16	9:25	12+10	0+0		5+17	0+0	
8		P8+AMD	9:25	7+15	0+0		7+15	0+0	
9		JS2+P7+BK4	11:25	3+19+0	0+0+0		0+19+2	0+0+0	
10		P4	11:25	22	0		22	0	
11		P1+BK9	11:25	20+0+	0+0+0		19+2	0+0+0	
12		P5+P3	11:25	14+7	0+0		14+8	0+0	
13		AMD+P4	13:25	11+8	0+0		12+10	0+0	
14		VSP01+BK6+BK8	13:25	7+4+7	0+0+0		7+7+8	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/04/2019	TO: TD5 - BK5	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - MQUÂN	ETA: 09:10
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HÀ VĂN DỪNG	TD5	39	1	5		85	KHOAN	Vietnamese
2	UVAISHOV A.X	TD5					95	KHOAN	Russian
3	LÊ VIỆT THĂNG	TD5	47	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
4	ĐINH VĂN SỰ	TD5	46	1	3	40	75	KHOAN	Vietnamese
5	LÊ VĂN HIỀN	TD5	37	1	2		78	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN MINH HIỆU	TD5	35	1	6		85	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN ĐỨC HOÀN	TD5	43	1	8		85	KHOAN	Vietnamese
8	ĐẠO QUANG MINH	TD5	42	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
9	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5	38	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
10	LƯU THẾ ĐIỆN	TD5	49	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN ANH TUÊ	TD5	41	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
12	ĐẶNG ĐÌNH THỌ	TD5	40	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
13	ĐINH ĐỨC KIẾN	TD5	44-45	2	12		75	KHOAN	Vietnamese
14	HOÀNG NGỌC DANH	TD5	34	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
15	LÊ VĂN NGUYỄN-PVDT	TD5	48	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
16	VỊ HÙNG CƯỜNG	TD5	36	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN TUẤN ANH	TD5					72	KHOAN	Vietnamese
18	LÊ NGỌC AN	BK5	30	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN HÂN	BK5	28	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
20	ĐOÀN NGUYỄN BAO CHÂU	BK5	29	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	MAI SINH CUNG	BK5	27	1	10	55	65	T-TIN	Vietnamese
22	NGUYỄN ĐỨC QUANG	BK5	26	1	4		100	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	17	16	77	1.234	40	16		
2	BK5	5	5	32	380	55	6		
TOTAL		22	21	109	1.614	95	22		
WEIGHT KG				109	1.614	95			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/04/2019	TO: VSP02 - TD5 - P4	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:35
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: TUYỀN - ĐTuấn - Toan	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VŨ HÙNG	VSP02	04-05	2	18		73	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN MANH KHOAN	VSP02	08-09	2	10		65	NIPI	Vietnamese
3	LÊ VAN TU	VSP02	07	1	5		55	NIPI	Vietnamese
4	TRẦN NGỌC TỰ	VSP02					74	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TRUNG	VSP02	10	1	3		70	PSV	Vietnamese
6	HOANG VAN TRUNG	VSP02	01	1	5		83	PSV	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN TUAN	VSP02	02	1	5		74	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	VSP02	06	1	5		60	PSV	Vietnamese
9	LUÔNG MANH HƯƠNG	VSP02	03	1	5		64	PSV	Vietnamese
10	NGUYỄN HỮU LỘC	TD5	16	1	3		74	KHOAN	Vietnamese
11	LÊ VĂN NGHĨA	TD5	17	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
12	MAI ĐẠI HAI	TD5	20	1	10		69	KHOAN	Vietnamese
13	ĐẶNG VĂN HƠN	TD5	21	1	6		80	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN MINH CÔNG	TD5	18	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN CAO KHÁNH	TD5	15	1	5		64	KHOAN	Vietnamese
16	VŨ THANH QUANG	TD5	22	1	10		74	BAKER HU	Vietnamese
17	TẠ VĂN THỊNH	TD5	19	1	6		62	NIPI	Vietnamese
18	HOANG MINH TÂN	P4	76-77	2	19		77	YTE	Vietnamese
19	VŨ MẠNH HÀ	P4	79	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN PHONG	P4					74	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN DUY THAI	P4	75	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN HOANG VINH	P4	78	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	9	10	56	618	0	6		
2	TD5	8	8	55	563	0	6		
3	P4	5	5	34	366	0	10		
TOTAL		22	23	145	1.547	0	22		
WEIGHT KG				145	1.547	0			

GRAND TOAL: 1.692 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/04/2019	TO: P2 - P1 - P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: Vy-1	FROM: VT	CREW: HUNG - CHIEN - Luy	ETA: 09:20

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KHOKHLOV	P2	08	1	10		94	KH-THAC	Russian
2	PHAM NGUYEN HOANG PHUC	P2	12	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
3	DUONG DUC HIEU	P2	18	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG MINH DUC	P2	14	1	7	35	70	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAC DUC HUY	P2	13	1	4	10	72	KH-THAC	Vietnamese
6	LE VAN DONG	P2	11	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
7	HOANG DUC LINH	P2	07	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN PHU HUU	P2	16	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI THO DUNG	P2					63	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN KHAC LAM	P2	10	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN HUU HA	P2	15	1	12		53	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM VAN QUYEN	P2	17	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN QUANG HUNG	P2	09	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
14	LE HUY TAN	P1	58	1	10		70	YTE	Vietnamese
15	VU VAN MANH	P1					84	KH-THAC	Vietnamese
16	VU XUAN QUY	P1	63	1	7	65	105	KH-THAC	Vietnamese
17	TRAN XUAN LANH	P1	56	1	5	50	68	KH-THAC	Vietnamese
18	DINH VAN THANG	P1	59	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
19	LE VAN THANG	P1	55	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN SY DU	P1					70	KH-THAC	Vietnamese
21	VI KHAC THANH	P1	57	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	TRAN QUANG PHUOC	P1	62	1	6		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	13	12	75	909	45	8		
2	P1	9	7	43	670	115	10		
3	P4	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		22	19	118	1.579	160	22		
WEIGHT KG				118	1.579	160			

GRAND TOAL: 1.857 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/04/2019	TO: TD2 - BK10 - BK14	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - KHẢI - thông	ETA: 09:30
TRANG-1A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KARPUNIN	TD2	38	1	15		95	KHOAN	Russian
2	LE HAI SƠN	TD2	37	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
3	CAO ĐỨC VIỆN	TD2	23	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
4	TRẦN HUY NINH*MC*PVD	TD2	26	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM VĂN MINH	TD2	24	1	5		66	KHOAN	Vietnamese
6	LE XUÂN PHƯƠNG	TD2	33	1	7		69	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN HÙNG	TD2	35	1	5		69	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TÀI THUYẾT	TD2	27	1	3		53	KHOAN	Vietnamese
9	TRẦN QUỐC VIỆT-PVDT	TD2	31	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
10	PHẠM VĂN HÙNG	TD2	34	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
11	MAI ĐỨC THÂN	TD2	22	1	5	55	70	KHOAN	Vietnamese
12	HỒ VĂN HÙNG	TD2	29	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
13	PHẠM THẾ CHUYỀN	TD2	28	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
14	HỒ CHI CÔNG	TD2	25	1	5		73	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN HỮU TRIẾT	TD2	32	1	10		65	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN THANH	TD2	36	1	12		75	DVL	Vietnamese
17	TRƯƠNG QUỐC THẮNG	TD2	39	1	17		83	DVL	Vietnamese
18	MAI VĂN DƯƠNG	TD2	30	1	13		80	DVL	Vietnamese
19	TRẦN ANH ĐỨC	TD2					64	GETRACO	Vietnamese
20	PHẠM HỒNG PHONG	BK14	01	1	14	38	60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	19	18	135	1.335	55	17		
2	BK10	0	0	0	0	35	4		
3	BK14	1	1	14	60	38	1		
TOTAL		20	19	149	1.395	128	22		
WEIGHT KG				149	1.395	128			

GRAND TOAL: 1.672 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/04/2019	TO: RP1 - RP2 - P2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Phòng - DUONG - MQUÂN	ETA: 11:20
xanh-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI UY HUNG	RP1	57	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI NGOC THAO	RP1	58	1	17		70	XAYLAP	Vietnamese
3	LUONG VAN THUC	RP1	61	1	10	15	75	XAYLAP	Vietnamese
4	PHAN MINH DUNG	RP1	53-54	2	15		70	XAYLAP	Vietnamese
5	LE DINH DO	RP1	55-56	2	17		80	XAYLAP	Vietnamese
6	QUAN VAN KHANH	RP1	59	1	15		72	XAYLAP	Vietnamese
7	VU VAN TRUNG	RP1	62	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
8	TRAN TRUNG DANG	RP1	60	1	7		70	XAYLAP	Vietnamese
9	VU NGOC TU	RP2	84	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
10	VU VIET THANH	P2	31-32	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRINH BA DONG	P2	23	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM QUOC HIEN	P2					70	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN NAM SINH	P2	33	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
14	LUU VAN TU	P2	35	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	LE THANH HAI	P2	34	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	HA VAN TRUNG	P2	27	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
17	K. LING	P2	28	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
18	LE SINH TAM	P2	30	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
19	VU NGOC DUNG	P2	29	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
20	LE DINH HUAN	P2	24	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN VAN HAI	P2	25-26	2	15		60	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP1	8	10	103	567	15	0		
2	RP2	1	1	10	72	0	0		
3	P2	12	13	75	831	0	22		
TOTAL		21	24	188	1.470	15	22		
WEIGHT KG				188	1.470	15			

GRAND TOAL: 1.673 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/04/2019	TO: JS2	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:45
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: TUYỀN - ĐTuấn - Toan	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN THUY	JS2	56	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
2	ROBERT LOGAN	JS2	60-61	2	20		135	KHOAN	American
3	JEFFERY DELPHIN MARIUS	JS2	57,70	2	16		87	KHOAN	Indian
4	AULIA LUTHFIANSYAH	JS2	91	1	10	40	76	KHOAN	Indonesian
5	NGUYEN VAN HONG	JS2	62-63	2	9	45	61	KHOAN	Vietnamese
6	TRAN VAN KHANH	JS2	68	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
7	DANG VIET THANH	JS2	96	1	8		60	KHOAN	Vietnamese
8	VU CONG NGHI	JS2	64	1	8		59	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN QUANG HA	JS2	98	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN LINH	JS2	94	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN THAI LAM	JS2	99	1	8		73	KHOAN	Vietnamese
12	LE TRUNG KIEN	JS2	95	1	9		74	KHOAN	Vietnamese
13	DINH HUY HOANG	JS2	58	1	8		53	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN XUAN TUAN	JS2	97	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN XUAN THI	JS2	66	1	7		57	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN PHUC	JS2	65	1	8		65	KHOAN	Vietnamese
17	HUA QUANG TAM	JS2	59	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
18	TRAN BA KHANH	JS2	67	1	14		69	KHOAN	Vietnamese
19	PHAM QUANG HUNG	JS2	69	1	7		82	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN HUU TUYEN	JS2	93	1	9		60	KHOAN	Vietnamese
21	TRUONG DINH VINH	JS2	92	1	9		80	KHOAN	Vietnamese
22	MESHKOV M.Y	JS2	700	1	11		78	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	22	25	205	1.564	85	22		
TOTAL		22	25	205	1.564	85	22		
WEIGHT KG				205	1.564	85			

GRAND TOAL: 1.854 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/04/2019	TO: P3 - TD3 - BK16	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: HƯNG - CHIẾN - LUY	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN CỬU	P3	79	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐO VĂN ĐAM	P3	76	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN MINH HOAI	P3	73	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGÔ MẠNH HÙNG	P3	81-82	2	12		72	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI SỸ CÔNG	P3	75	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	85	1	5	30	82	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN THIỆN THANH	P3	77	1	5		85	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN LÊ TÙNG	P3	74	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	HOANG BA VINH	P3	78	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
10	VU TRUNG KIEN	P3	80	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐO XUÂN LONG	P3	83	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAN HỒNG HAI	P3	84	1	12		62	KH-THAC	Vietnamese
13	OLEYNIK IVAN	TD3	89	1	5		71	KHOAN	Russian
14	TRẦN MẠNH HÙNG	TD3	86	1	5		71	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HUY THAI	TD3	91	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
16	VU LONG PHI	TD3	85	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
17	TRANG NGỌC HÙNG	TD3	90	1	4		65	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN NAM CUÔNG	TD3	88	1	9		78	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN HỮU THO	TD3	84	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
20	HOANG PHẠM NGỌC VU	TD3					98	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN THĂNG LỢI	TD3	83	1	2		60	KHOAN	Vietnamese
22	LÊ PHƯỚC ĐỨC	TD3	87	1	5		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	12	13	85	842	30	4		
2	TD3	10	9	45	732	0	17		
3	BK16	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	22	130	1.574	30	22		
WEIGHT KG				130	1.574	30			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/04/2019	TO: P8 - AMD	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:00
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - KHẢI - thông	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NG. VĂN QUY	P8					67	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRỌNG HIỆU	P8	54	1	5		70	PSV	Vietnamese
3	HA VAN THIEN	P8	58	1	7		70	PSV	Vietnamese
4	VO HONG OANH	P8	53	1	5	40	70	PSV	Vietnamese
5	VU NGOC NAM	P8	57	1	5		80	PSV	Vietnamese
6	TRAN MẠNH CUONG	P8	55	1	4		53	PSV	Vietnamese
7	LE TIEN QUY	P8	56	1	9		68	PSV	Vietnamese
8	CECIL VAUGHAN	AMD	01	1	15		85	BAB	S.African
9	PHAM VU THANG	AMD	03	1	10		78	TLJOC	Vietnamese
10	K LỘC	AMD	16	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN SANH	AMD	06	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN MINH ĐỨC	AMD	08	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGO QUANG HUAN	AMD	19-20	2	15	50	70	KH-THAC	Vietnamese
14	TRUONG ĐỨC HUNG	AMD	07	1	9		80	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAN THANH NGOAN	AMD	10-11	2	15		90	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN LÊ HỒNG VU	AMD	18	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN XUAN PHUONG	AMD	12-13	2	10		64	KH-THAC	Vietnamese
18	VU MẠNH HA	AMD	09	1	10		87	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐINH HUU TINH	AMD	14	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN XUAN THANH	AMD	17	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG VAN THE (PVDI)	AMD	04-05	2	8		67	KH-THAC	Vietnamese
22	TRUONG THE KHAI	AMD	15	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P8	7	6	35	478	40	7		
2	AMD	15	19	131	1.106	50	15		
TOTAL		22	25	166	1.584	90	22		
WEIGHT KG				166	1.584	90			

GRAND TOAL: 1.840 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/04/2019	TO: JS2 - P7 - BK4	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 09	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTuấn - N Nam	ETA: 13:30
xanh-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ NGỌC DUYỀN	JS2	85	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
2	NGUYỄN MANH CUONG	JS2	84	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
3	NGÔ VIỆT PHƯƠNG	JS2	86	1	5		90	KHOAN	Vietnamese
4	TRƯƠNG HỮU PHƯỚC	P7	48-49	2	12		58	YTE	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P7	58	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	TẠ VĂN VIỆT	P7	38-39	2	15		76	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN TIẾN HIỆP	P7	46	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU HÙNG	P7	59	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN LỢI	P7	43	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
10	BUI TRỌNG AN	P7	44	1	4	40	60	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI MẠNH CƯỜNG	P7	41-42	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THIÊN	P7	60	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
13	NGÔ QUANG THĂNG	P7	50	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
14	HỒ NGUYỄN KHANH DUY	P7	40	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
15	CHU VĂN ĐẠT	P7	54-55	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG KHÔI NGUYỄN	P7	56-57	2	17		72	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN TIẾN	P7	47	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN ĐỨC	P7					72	PSV	Vietnamese
19	BUI ĐẮC CÀNH	P7	53	1	4		65	PSV	Vietnamese
20	HOANG VIỆT HÙNG	P7	52	1	5		72	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN XUÂN HẠNH	P7	51	1	17		72	PSV	Vietnamese
22	MAI VĂN TOÀN	P7	45	1	10		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

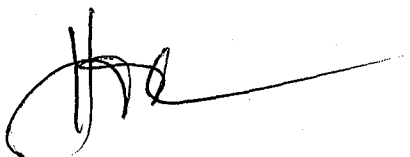
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	3	3	24	225	0	0		
2	P7	19	23	160	1.304	40	19		
3	BK4	0	0	0	0	40	2		
TOTAL		22	26	184	1.529	80	21		
WEIGHT KG				184	1.529	80			

GRAND TOAL: 1.793 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/04/2019	TO: P4	AIRCRAFT: 846	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: TTrung - Hồi - Vũ	ETA: 13:35
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LUONG HUU HAU	P4	12	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAM THAI SON	P4	22	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM VAN HOANG	P4	10	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI MINH TUAN	P4	14	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
5	VU THANH	P4	24	1	10		93	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAN NGOC TUAN	P4	17	1	8		54	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN NHAN HAI	P4	11	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM KHAC DOAN	P4					65	KH-THAC	Vietnamese
9	LE VAN KHOAI	P4	08	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN VAN SON	P4	20	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
11	LE DUY TRUNG	P4	13	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
12	KHUONG VAN THAO	P4	16	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
13	NGO SY KHOA	P4	21	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
14	HA TAN DUNG	P4	15	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI QUANG SON	P4	95	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
16	DO MANH DUNG	P4	07	1	6		52	KH-THAC	Vietnamese
17	LE HONG TRUNG	P4	26	1	3	10	60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN NGOC TUYEN	P4	23	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN DUC NHAN	P4	09	1	5		54	KH-THAC	Vietnamese
20	HOANG VIET THUAN	P4	06	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	BAEV	P4	25	1	7		85	ANTOAN	Russian
22	NGUYEN MANH HUNG	P4	18-19	2	18		77	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	22	22	125	1.487	10	22		
TOTAL		22	22	125	1.487	10	22		
WEIGHT KG				125	1.487	10			

GRAND TOAL: 1.622 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/04/2019	TO: P1 - BK9	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:00
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: HUNG - QViệt - Luy	ETA: 13:40
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HO HUU CHUNG	P1	74	1	3		53	KH-THAC	Vietnamese
2	LUU VAN TUAN	P1	78	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
3	LE QUANG TIEN	P1	79	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
4	VU DUY KHANH	P1	71	1	5		64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN KHANH DUY	P1	69	1	3		74	KH-THAC	Vietnamese
6	LE VAN TU	P1	65	1	4		66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG THO	P1					82	KH-THAC	Vietnamese
8	PHAM DUC BON	P1	72	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI HUY NGHIEP	P1					75	KH-THAC	Vietnamese
10	DANG DUC TOANH	P1	76	1	3		63	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN DINH HAI	P1	70	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VAN NONG	P1	75	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG YEN	P1	67	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN HUU NGHIA	P1	66	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
15	LE MINH HIEU	P1	73	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
16	DUONG DUY KHUONG	P1	77	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
17	DOAN VAN DU	P1	68	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
18	CAO DANG PHONG	P1	80-81	2	8		78	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN NAM TRUNG	P1	82	1	12	20	87	CODIEN	Vietnamese
20	DUONG HUU THUAN	P1	83	1	5	95	60	CO DIEN	Vietnamese
21	VU TRUNG KIEN	BK9	19,59	1+1	17+5	65	72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	20	19	89	1.388	115	19		
2	BK9	1	1+1	17+5	72+5	65	3		
TOTAL		21	20	106	1.460	180	22		
WEIGHT KG				106	1.460	180			

GRAND TOAL: 1.746 KGS +5

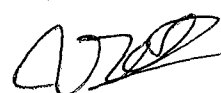
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/04/2019	TO: P5 - P3	AIRCRAFT: 416	ETD: 12:10
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: MTHẮNG - KHẢI - thông	ETA: 13:50
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN KÝ	P5	52	1	10		70	YTE	Vietnamese
2	BUI VĂN BÁC	P5					70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN QUANG PHÚC	P5	59	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	P5	53-54	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỒNG VĂN THỊNH	P5	58	1	10	50	82	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN MẠCH	P5	96	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ ĐỨC THANH	P5	51	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN KHAI	P5	97-98	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH TUẤN	P5	57	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ QUANG HÙNG	P5	500	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN MINH	P5	55	1	17		82	T-TIN	Vietnamese
12	TU VĂN SƠN	P5	95	1	5		80	PSV	Vietnamese
13	ĐÀO VĂN THẮNG	P5	56	1	5		55	PSV	Vietnamese
14	ĐÀO XUÂN THANH	P5	99	1	5		63	PSV	Vietnamese
15	DƯƠNG CÔNG ĐĂNG	P3	23	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN SOAI	P3	20	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P3	21	1	5		73	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN VĂN CHUÔNG	P3	22	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM ANH TU	P3	43	1	5		73	GETRACO	Vietnamese
20	VŨ VIỆT SƠN	P3	44	1	6		57	GETRACO	Vietnamese
21	HA KIM LINH	P3	42	1	8		45	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	14	15	98	987	50	14		
2	P3	7	7	41	438	0	8		
TOTAL		21	22	139	1.425	50	22		
WEIGHT KG				139	1.425	50			

GRAND TOAL: 1.614 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/04/2019	TO: AMD - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:00
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: Hạnh - MTuấn - N Nam	ETA: 15:40
HONG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGO VAN SAU	AMD	24	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
2	THAI NGUYEN HAI VI	AMD	38-39	2	15		82	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN DOAN DUAN	AMD	28	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN NGOC THU	AMD	27	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN CONG THANH	AMD	36-37	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN TRUNG HIEU	AMD	33-35	3	15	50	69	KH-THAC	Vietnamese
7	LE CHI CUONG	AMD	29-30	2	16		60	KH-THAC	Vietnamese
8	THAI BA HUNG (PVDI)	AMD	25	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN DINH SONG	AMD	40	1	6		55	KH-THAC	Vietnamese
10	HO TRAN PHUONG DONG	AMD	31-32	2	20		63	KH-THAC	Vietnamese
11	KIEU VAN TUAN	AMD	26	1	5		78	PSV	Vietnamese
12	LUONG NHU THIEN	P4	30	1	14		62	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN THANH HIEN	P4	32	1	13	17	70	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYEN VIET SON	P4	29	1	15		50	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAM NGOC NINH	P4	31	1	5		78	PSV	Vietnamese
16	NGUYEN QUOC VIET	P4	36	1	5		57	PSV	Vietnamese
17	NGUYEN THANH SON	P4	28	1	8		73	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN TRUONG	P4	35	1	10		62	PSV	Vietnamese
19	NGO VAN GIAO	P4	34	1	7		92	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	11	17	110	738	50	12		
2	P4	8	8	77	544	17	10		
TOTAL		19	25	187	1.282	67	22		
WEIGHT KG				187	1.282	67			

GRAND TOAL: 1.536 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST



DATE: 25/04/2019	TO: VSP01 - BK6 - BK8	AIRCRAFT: 846	ETD: 14:05
FLIGHT: 14	FROM: VT	CREW: TTrung - Hôi - Vũ	ETA: 15:45
TRANG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	VSP01	13-14	2	18		75	CODIEN	Vietnamese
2	LÊ VĂN NGỌC	VSP01	09	1	6		74	PSV	Vietnamese
3	PHẠM HUY ĐÀU	VSP01	10	1	5		66	PSV	Vietnamese
4	LÊ CAO HAI	VSP01	01	1	5		65	PSV	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC THƯƠNG	VSP01	08	1	5		60	PSV	Vietnamese
6	NGUYỄN THANH TÊ	VSP01	11	1	8		75	PSV	Vietnamese
7	HOANG PHUONG NAM	VSP01	12	1	7		62	PSV	Vietnamese
8	HOANG NGỌC TUNG	BK6	36	1	8	5	66	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN HÙNG	BK6	34	1	6	50	69	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUỐC HOÀN	BK6	30	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN PHE	BK6	31,33	2	11		66	PSV	Vietnamese
12	CHERNIAVSHII DMITRIS	BK8	92-93	2	12		102	KH-THAC	Russian
13	NGUYỄN SƠN TRƯỜNG	BK8	94	1	5		61	KH-THAC	Vietnamese
14	TRẦN VĂN THUẬN	BK8	91	1	4	35	75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN QUỐC TÂN	BK8	88	1	2		66	KH-THAC	Vietnamese
16	LƯƠNG QUANG THƯƠNG	BK8	89	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẠO MINH ĐỨC	BK8	97	1	5		70	PSV	Vietnamese
18	LÊ XUÂN ĐAM	BK8	90	1	3		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP01	7	8	54	477	0	7		
2	BK6	4	5	31	261	55	7		
3	BK8	7	8	39	507	35	8		
TOTAL		18	21	124	1.245	90	22		
WEIGHT KG				124	1.245	90			

GRAND TOAL: 1.459 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN